

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 653/TTr-TNMT ngày 04/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH một thành viên T/S Vina, địa chỉ tại lô D(D3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina”, địa chỉ tại lô D(D3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D(D3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400728245, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/4/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/8/2021.

1.4. Mã số thuế: 2400728245.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất và gia công linh kiện và phụ kiện điện tử bằng kim loại chưa được phân vào đầu dùng cho điện thoại di động và các sản phẩm điện tử khác, chi tiết:

+ Sản xuất và gia công khuôn và lõi khuôn dùng để đúc khung, nắp vỏ điện thoại di động.

+ Sản xuất khung, nắp, vỏ điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác.

+ Sản xuất, gia công lắp ráp các sản phẩm bằng nhựa và bằng kim loại (Chi tiết: khung, đồ gá (Jig) dùng để kẹp khung, nắp vỏ điện thoại di động, vỏ ốp ngoài của tivi, thiết bị điện tử và viễn thông, đồ gia dụng,...).

- Dịch vụ sửa chữa linh kiện và phụ kiện điện tử bằng kim loại, chi tiết: Sửa chữa các loại khuôn và bộ phận của khuôn bằng kim loại đúc sẵn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô D(D3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên với diện tích 18.655m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư

+ Sản xuất và gia công khuôn và lõi khuôn dùng để đúc khung, nắp vỏ điện thoại di động: 10.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất khung, nắp, vỏ điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác: Khoảng 20.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công lắp ráp các sản phẩm bằng nhựa và bằng kim loại (chi tiết: Khung, đồ gá (Jig) dùng để kẹp khung, nắp vỏ điện thoại di động, vỏ ốp ngoài của tivi, thiết bị điện tử và viễn thông, đồ gia dụng,...): 40.000.000 sản phẩm/năm.

+ Dịch vụ sửa chữa linh kiện và phụ kiện điện tử bằng kim loại, chi tiết: Sửa chữa các loại khuôn và bộ phận của khuôn bằng kim loại đúc sẵn: Khoảng 5.000 khuôn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép phát sinh nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên T/S Vina được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH một thành viên T/S Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina” tại lô D(D3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên do Công ty TNHH một thành viên T/S Vina làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina” tại lô D (D3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên của Công ty TNHH một thành viên T/S Vina được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH một thành viên T/S Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm của dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- 01 vị trí tại hố ga đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu, hố ga nằm trước mặt nhà máy, phía bên tay phải từ cổng vào, cách tường của dự án khoảng 01m.

+ Tọa độ vị trí xả thải: X= 2347788; Y= 407920 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 0,625 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày.đêm của dự án được xả theo phương thức xả cưỡng bức theo ống ngầm D90 với chiều dài khoảng 163m vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp Quang Châu.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, (cột B))
1	pH	-	5,5-9

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
4	Sunfua	mg/l	0,5
5	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
7	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước mưa chảy tràn:

- Đối với nước mưa từ mái nhà xưởng của Dự án được thu gom bằng hệ thống ống PVC D90 thoát nước từ mái (28 ống có tổng chiều dài là 196m), ống PVC D125 thoát nước từ mái (14 ống có tổng chiều dài 98m) dẫn nước từ trên mái công trình chảy xuống hệ thống thoát nước mưa phía dưới. Sau đó, được đưa vào hệ thống hệ thống thoát nước mưa trên bề mặt của công ty.

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa là công bê tông cốt thép D300 độ dốc 0,3 %, có tổng chiều dài khoảng 550m, với 28 hố ga mỗi hố ga có kích thước (1x1x1)m xây bằng gạch, chất vữa xi măng cách nhau 15m có nắp đậy bằng tấm đan bê tông cốt thép. Tại điểm thu gom nước mưa tại 02 hố ga thu gom nước mưa cuối cùng của dự án đầu nối ra hệ thống thu gom nước mưa của khu công nghiệp qua 02 điểm đầu nối bằng công D600 với chiều dài: 8m.

- Định kỳ (03 tháng/lần) Công ty kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời.

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại qua 05 bể tự hoại 3 ngăn (01 bể tự hoại đặt ở khu vực văn phòng (thể tích 16 m³), 01 bể tự hoại tại khu xưởng nhựa và nhà ăn (thể tích 16 m³), 01 bể tự hoại thu gom nước thải nhà vệ sinh xưởng khuôn (thể tích 16 m³), 01 bể tự hoại khu vực sân bóng (thể tích 3 m³), 01 bể tự hoại nhà bảo vệ (thể tích 4m³)), sau đó nước thải được bơm bằng bơm chìm tự động vào đường ống PVC D 42 dài 130m vào hệ thống xử lý tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải công suất 15m³/ngày.đêm theo sơ đồ sau: Nước thải => bể thu gom => bể điều hòa => bể thiếu khí (Anoxic) => bể hiếu khí (MBBR) => bể lắng => bể khử trùng => Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 15m³/ngày.đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

TT	Hóa chất, nguyên vật liệu sử dụng xử lý nước thải sinh hoạt	Khối lượng sử dụng
1	Men vi sinh Microphot	03 kg/tháng
2	Mật ri đường	30 kg/tháng
3	Clorin dạng viên	01 kg/tháng

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

a) Phương án phòng ngừa.

- Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy chuẩn, công suất xử lý đảm bảo xử lý triệt để nước thải phát sinh.

- Lắp đặt các bơm thổi khí, bơm tuần hoàn, bơm đảo trộn luân phiên hoạt động để giảm sự cố cháy do quá tải.

- Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, thay thế cải tạo các thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến hệ thống xử lý.

- Định kỳ vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh tắc, ú đọng.

- Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải sinh hoạt.

b) Phương án ứng phó

- Khắc phục nhanh chóng các sự cố có thể xảy ra nhằm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống xử lý. Trong trường hợp cần thiết có thể tạm dừng hoạt động của các cơ sở nếu có xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý môi trường.

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý kịp thời báo cáo lên lãnh đạo của công ty, sau đó báo cáo bằng văn bản với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường. Công ty chủ động liên hệ với đơn vị chức năng khắc phục sớm nhất có thể xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Đã kết thúc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 15m³/ngày.đêm.

Thời gian vận hành thử nghiệm từ tháng 12/2021 đến tháng 03/2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

01 nguồn khí thải phát sinh từ công đoạn đúc nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn đúc nhựa.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải công đoạn đúc nhựa nằm ở cuối của nhà xưởng đi từ cổng vào nhà máy. Tọa độ X= 2347799; Y= 407811 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000m³/giờ tương đương 480.000m³/ngày.đêm.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục, trong thời gian làm việc của Công ty.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	03 tháng/lần
2	CO	mg/Nm ³	1.000	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	
4	NO _x	mg/Nm ³	850	
5	Benzen	mg/Nm ³	5	06 tháng/lần
6	Toluen	mg/Nm ³	750	
7	Xylen	mg/Nm ³	870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Công ty TNHH một thành viên T/S Vina đã lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đúc nhựa: Khí thải được thu gom vào 06 đầu ống thu khí (trong đó 06 ống D200 mỗi ống dài 03m) về đường ống dẫn chính D500 chiều dài 15m dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Hệ thống xử lý khí thải công đoạn đúc nhựa

Khí thải từ công đoạn đúc nhựa → ống thu khí → đường ống dẫn khí → quạt hút → tủ than hoạt tính → ống khói (khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 20.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính sử dụng khoảng 320 kg/01 năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa

- Đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy chuẩn, công suất xử lý triệt để khí thải phát sinh.

- Hàng ngày kiểm tra nguồn cấp cho tủ điện, quạt hút ly tâm và thời gian thay thế than hoạt tính

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị trong hệ thống hút mùi, khí thải phát sinh từ công đoạn đúc/ép nhựa.

- Định kì kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống xử lý nhằm đảm bảo cho hệ thống xử lý đạt hiệu quả cao nhất.

- Thay thế than hoạt tính đúng tần suất định kỳ 03 tháng/lần.

* Biện pháp ứng phó

- Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố, nhà máy tạm thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố để khắc phục hệ thống giảm thiểu các tác động của mùi và hơi dung môi phát sinh mới tiếp tục vận hành sản xuất. Đồng thời trang bị đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong phân xưởng.

- Trường hợp quạt hút ly tâm bị cháy thì dừng sản xuất để thay thế quạt hút

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Đã kết thúc vận hành thử nghiệm đối với 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn đúc nhựa.

Thời gian vận hành thử nghiệm từ tháng 08/2020 đến tháng 10/2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.
- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh tại giữa khu vực nhà xưởng sản xuất CNC và khu vực nghiền nhựa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°):

Vị trí phát sinh: Tại nhà xưởng sản xuất khu vực làm việc 1, Tọa độ X= 2347922; Y= 407828 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°).

Tại nhà xưởng sản xuất khu vực làm việc 2, tọa độ X= 2347900; Y= 407819 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.

- Trang bị nút tai chống ồn, tai chụp đúng tiêu chuẩn cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải là CTNH) thải	300
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	200
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	2518
4	Hộp mực in thải	25
5	Phoi, bụi mặt kim loại từ quá trình gia công tạo hình nhiễm dầu mỡ, hóa chất	4456
6	Pin và ắc quy thải	2
7	Dầu thủy lực tổng hợp thải	501
8	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	200
9	Than chì (graphite) thải (bùn thải)	2320
Tổng số lượng		10.522

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đầu nhựa thừa và sản phẩm nhựa lỗi hỏng, vụn nhựa không được tái sử dụng	2.400
2	Sản phẩm lỗi hỏng, đầu mẫu, vụn kim loại	1.560
3	Dây đai buộc hàng, thùng bìa cactong, túi nilong, gỗ....	840
Tổng khối lượng		4.800

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 50kg/ngày, tương đương 1.300kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Dầu thải được chứa trong các phuy chứa dầu 200lit. Các loại chất thải nguy hại khác được lưu chứa trong các thùng phuy chứa riêng biệt dung tích 100 lít, được dán nhãn tên chất thải, mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Kho chứa chất thải nguy hại gồm 01 kho có diện tích 40m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được bố trí bên ngoài nhà xưởng; kho được vây tôn xung quanh, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa kích thước 600x400x500mm bằng gỗ để đựng dầu mẫu kim loại. Bao để đựng dầu mẫu nhựa và palet gỗ để sắp xếp bìa, giấy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích: 45m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho có mái che, tường bao xung quanh kín, nền láng xi măng và có biển báo, bố trí trong xưởng sản xuất.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng 200l, 03 thùng dung tích 660 lít có nắp đậy kín và để ngoài trời, đảm bảo không gây ô nhiễm đến môi trường.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt để ngoài trời.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền xi măng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 653/TTr-TNMT ngày 04/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.